

Bản án số: 68/2020/HS-PT  
Ngày 17-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Tuyên

*Các Thẩm phán:* Bà Bùi Thị Thu Hằng

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trương Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 59/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020 do có kháng cáo của bị cáo Bùi Mạnh Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2020/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

*Bị cáo có kháng cáo; Viện kiểm sát kháng nghị:*

Bùi Mạnh Đ, sinh ngày 24/3/1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 4/19 Võ Thị S, phường Máy T, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; văn hóa: 12/12; con ông Bùi Văn Th và bà Phạm Thị Thu H; có vợ là Nguyễn Thị Thúy H1 (đã ly hôn) và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 31/2018/HSST ngày 06/6/2018, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (chưa được xóa án tích); bị tạm giữ ngày 10/12/2019, tạm giam từ ngày 13/12/2019; có mặt.

*Bị hại:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1999, nơi cư trú: Thôn 1, xã Kỳ S, huyện Thủy Ng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

*Ngoài ra, còn có các bị cáo Đặng Việt H2, Đặng Quốc A không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền ăn tiêu nên Bùi Mạnh Đ, Đặng Việt H2 và Đặng Quốc A cùng bàn bạc với nhau về việc đăng ảnh xe máy lên mạng xã hội nhằm lừa để chiếm đoạt tiền của khách có nhu cầu mua xe máy không có giấy tờ. Cụ thể, Đ chụp ảnh chiếc xe máy Air Blade màu đỏ trắng BKS: 15C1- 11876 của bạn gái là Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 28 Cống Nãi, xã An Đ, huyện An D, thành phố Hải Phòng gửi cho H2 để H2 đăng lên mạng xã hội facebook tìm khách mua xe. Khi có khách mua xe thì H2 sẽ hẹn gặp khách để thỏa thuận giá cả. Sau đó Quốc A sẽ mang xe ra cho khách xem để thực hiện việc mua bán xe. Khi khách giao tiền mua xe thì H2 sẽ đưa chìa khóa giả cho khách rồi cầm tiền bỏ đi. Khi khách mở khóa điện xe không được thì Đ sẽ xuất hiện cầm chìa khóa thật của chiếc xe đó đi đến nói là chủ xe và lên xe nổ máy bỏ đi. Số tiền chiếm đoạt được của khách cả ba đối tượng sẽ chia nhau.

Đến khoảng 13h ngày 09/12/2019, H2 gọi điện cho Đ nói đã hẹn được anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1999, nơi cư trú: Thôn 1 xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến đầu ngõ 19 Võ Thị Sáu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng để xem và mua xe. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, anh T đi đến điểm hẹn gặp H2 tại đầu ngõ 19 Võ Thị Sáu, H2 gọi điện cho Đ mang xe để anh T xem thì Đ bảo Quốc A lấy chiếc xe máy Air Blade màu đỏ trắng của chị Trang đã tháo biển kiểm soát cùng 01 chìa khóa giả mang ra đầu ngõ số 19 Võ Thị Sáu cho anh T xem. Sau khi xem xe, anh T nói xe không có biển kiểm soát thì không mua nên H2 bảo anh T đi ra chỗ khác đợi, còn Quốc A đi xe vào nhà Đ dùng băng dính gắn biển kiểm soát xe máy điện 15MĐ1- 17458 vào xe máy Honda Aiblade rồi mang ra đầu ngõ gọi H2 và anh T quay lại xem. Sau khi xem xe xong, T đồng ý mua xe và trả cho H2 số tiền 7.800.000 đồng. H2 cầm tiền đưa cho Quốc A và Quốc A đưa chìa khóa xe giả cho H2 để H2 đưa cho anh T rồi cả 2 lên xe máy khác bỏ đi.

Khi H2 và Quốc A bỏ đi, anh T dùng chìa khóa mà H2 đưa để mở ổ khóa xe máy AirBlade nH2 không mở được. Lúc này Đ từ trong nhà đi ra đầu ngõ tiếp cận xe để mở khóa xe định nổ máy đi thì bị anh T ngăn lại, giữa Đ và anh T có lời qua tiếng lại. Nghe thấy phía đầu ngõ giữa Đ và T to tiếng, chị Trang đi ra hỏi lý do thì anh T trình bày lại sự việc và yêu cầu nhờ công an giải quyết. Chị Trang nói với T, chiếc xe mà Đ lấy đi là xe của chị rồi ngồi lên phía sau xe để Đ chở đi nH2 bị anh T chặn phía trước đầu xe không cho Đ chở chị Trang đi. Thấy T không tránh, Đ liền rút trong người ra một túi vải màu xanh bịt kín, bên trong có 1 bật lửa ga hình khẩu súng giơ về phía T nói “Đây là xe của tao, mày thích chết không”, T nghĩ là súng nên lùi lại bỏ chạy không cản trở nữa. Đ cật “túi vải” vào túi quần rồi tiếp tục

điều khiển xe định chờ Trang đi thì T lại chạy ra chặn đầu xe không cho đi. Đ xuống xe đuổi T chạy về phía ngã 6 phường Máy Tơ, còn chị Trang điều khiển xe đi. Khi Đ không đuổi được anh T liền quay lại và gọi điện cho chị Trang quay lại đón. Khi Đ quay lại chờ Trang đón thì anh T quay lại đi theo Đ. Khi chị Trang điều khiển xe quay lại đón thì Đ ngồi lên điều khiển xe, chị Trang ngồi phía sau thì T đuổi theo dùng gạch nhặt ở đường ném về phía Đ nh2 không trúng. Đ tiếp tục xuống xe nhặt khúc cây ở đường đuổi đánh anh T thì T lại bỏ chạy. Sau đó, Đ lên xe nổ máy thì T cố đuổi nh2 không kịp, Đ giật biển kiểm soát 15MĐ1- 17458 ra, chở Trang đến đường Văn Cao gặp Quốc A. Tại đây, Quốc A chia cho Đ số tiền 2.600.000 đồng, Quốc A được 2.200.000 đồng còn H2 đã lấy số tiền 3.000.000 đồng trước đó. Số tiền trên các bị cáo đã sử dụng ăn tiêu hết.

Sau khi sự việc xảy ra, anh T đã đến Công an phường Máy Tơ trình báo sự việc. Ngày 10 và 11/12/2019, Bùi Mạnh Đ, Đặng Việt H2 và Đặng Quốc A đã đến Công an quận Ngô Quyền xin đầu thú và khai nhận toàn bộ sự việc xảy ra.

Tại cơ quan điều tra Bùi Mạnh Đ, Đặng Việt H2 và Đặng Quốc A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; lời khai của người bị hại anh Nguyễn Văn T, phù hợp lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐ ngày 06/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Ngô Quyền kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda AiBlade màu đen, BKS 15C1- 11876 đã qua sử dụng, đến thời điểm xâm hại tài sản có giá 22.000.000 đồng.

Về vật chứng:

01 xe máy BKS 15C1-11876, đây là tài sản của Trang mượn của chú ruột là ông Hà Văn Đức, hiện ông Đức đã chết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp là vợ ông Đ1 bà Nguyễn Thị Tuyết L; 01 Biển kiểm soát 15MĐ1-17458; 01 bật lửa gas hình khẩu súng; 01 túi vải màu xanh; 01 chìa khóa bằng kim loại thân nhựa màu đen.

Về dân sự của vụ án: Gia đình các bị cáo đã trả lại cho bị hại anh Nguyễn Văn T số tiền 7.800.000 đồng nên anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Đồng thời anh T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2020/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự; xử phạt bị

cáo Bùi Mạnh Đ 04 (Bốn) năm tù về tội "Cướp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 10/12/2019.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với các bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", xử lý vật chứng, tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo Bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/7/2020 bị cáo Bùi Mạnh Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm về phần áp dụng tội danh đối với bị cáo Bùi Mạnh Đ, với lý do: Nhận định và quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh đối với bị cáo Đặng Việt H2 và Đặng Quốc A là có cơ sở. Tuy nhiên, việc xác định quyền sở hữu của bị hại đối với chiếc xe và đánh giá hành vi của bị cáo Đ chuyển hóa từ tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" sang tội "Cướp tài sản" là không có cơ sở, bởi lẽ:

- Chiếc xe mô tô, chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Ngọc Tr nên việc giao dịch giữa H2, Đ và Quốc A với anh T chỉ là giả tạo, bất hợp pháp, nhằm chiếm đoạt số tiền 7.800.1000 đồng của anh T, vì vậy giao dịch trên là vô hiệu.

- Khi Quốc A và H2 lấy tiền của anh T bỏ đi thì tội phạm về Lừa đảo đã hoàn thành. Việc Đ cầm chìa khóa thật định lấy xe đi nh2 bị anh T ngăn cản sau đó Đ có hành vi dùng bật lửa ga hình khẩu súng dọa và cầm cành cây tấn công anh T chỉ nhằm mục đích thoát khỏi sự đeo bám của anh T và tẩu thoát cùng chiếc xe máy.

- Bị cáo H2 chỉ giao cho anh T chìa khóa xe máy giả nên anh T không thể mở được khóa xe. Khi Đ, chị Trang và anh T đứng tranh luận về quyền sở hữu chiếc xe thì chiếc xe vẫn nằm trong sự quản lý của chị Trang và Đ nên không thể xác định chiếc xe máy thuộc quyền quản lý của T như nội dung bản án đã nhận định.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm, không áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Mạnh Đ mà áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

*\*Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Mạnh Đ mà áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đồng

thời, Kiểm sát viên phân tích hình phạt 04 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo Bùi Mạnh Đ là nghiêm khắc, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo so với hai bị cáo Quốc A và Việt H2. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại là anh Nguyễn Văn T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Mạnh Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan Điều tra. Đồng thời phù hợp với lời khai của các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, kết luận giám định, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu điều tra khác. Như vậy, có đủ căn cứ xác định các bị cáo có hành vi như sau:

[1.1] Với mục đích chiếm đoạt tài sản, các bị cáo là Đặng Việt H2, Đặng Quốc A và Bùi Mạnh Đ đã cùng bàn bạc, thống nhất bằng thủ đoạn gian dối là đăng ảnh xe máy không phải của mình lên mạng xã hội Facebook để cho những người có ý định mua sẽ tin và đồng ý mua. Khi có người mua xe, các bị cáo H2, Quốc A đưa xe đến cho khách xem và thỏa thuận giá, sau khi thỏa thuận xong giá cả thì giao xe và chìa khóa không phải của xe cho khách. Trong khi người mua xe mở khóa xe đã mua thì Đ xuất hiện nhận là xe của mình để lấy lại xe.

[1.2] Thực hiện theo kế hoạch đã bàn bạc, Đ chụp ảnh chiếc xe máy AirBlade màu đỏ trắng BKS: 15C1- 11876 của bạn gái là Nguyễn Ngọc Tr gửi cho H2 để H2 đăng lên mạng xã hội facebook tìm khách mua xe. Khi anh T đồng ý mua xe với giá 7.800.000đ, các bị cáo H2, Quốc A nhận tiền và đưa chìa khóa xe cho anh T thì bị cáo Đ xuất hiện, thực hiện hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để lấy lại chiếc xe.

[1.3] Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản là số tiền 7.800.000đ của các bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Đặng Việt H2 và Đặng Quốc A theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] *Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền:*

[2.1] Đối với quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng: Khi Quốc A và H2 lấy tiền của anh T bỏ đi thì tội phạm về Lừa đảo đã hoàn thành. Việc Đ cầm chìa khóa thật định lấy xe đi H2 bị anh T ngăn cản sau đó Đ có hành vi dùng bật lửa ga hình khẩu súng dọa và cầm cành cây tấn công anh T chỉ nhằm mục đích thoát khỏi sự đeo bám của anh T và tẩu thoát cùng chiếc xe máy. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại

thời điểm này, tội phạm chưa hoàn thành vì nếu bị cáo Đ không lấy lại chiếc xe máy thì anh T vẫn chưa bị chiếm đoạt tài sản. Nếu như theo quan điểm của Viện kiểm sát nêu trên thì Đ cũng sẽ không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bởi lẽ tội phạm đã hoàn thành trước đó. Do đó, quan điểm này của Viện kiểm sát mâu thuẫn với việc Viện kiểm sát đề nghị chỉ xét xử bị cáo Đ tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2.2] Trong vụ án này, cần phải đánh giá lúc đầu bị cáo Bùi Mạnh Đ đã thực hiện theo như kế hoạch các bị cáo bàn bạc, thống nhất với nhau từ trước. Tuy nhiên, khi bị hại anh T cản trở việc lấy xe của Đ thì bị cáo Đ đã có hành vi dùng bật lửa ga hình khẩu súng, có lời nói đe dọa và đuổi bị hại làm cho bị hại anh T sợ hãi nghĩ là súng thật và lâm vào tình trạng không thể chống cự được nên hành vi của bị cáo Đ thỏa mãn cấu thành tội “Cướp tài sản”. Do đó, việc Đ có hành vi dùng bật lửa ga hình khẩu súng dọa và cầm cành cây tấn công anh T không phải mục đích thoát khỏi sự đe dọa của anh T và tẩu thoát cùng chiếc xe máy mà hành vi của Đ đã chuyển hóa từ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản sang hành vi cướp tài sản. Mặt khác, lúc đầu các bị cáo chỉ bàn bạc việc Đ được giao nhiệm vụ xuất hiện nhận là xe của mình để lấy lại, không bàn bạc về việc Đ có hành vi, lời nói đe dọa, đuổi anh T nếu anh T có hành vi chống cự. Như vậy, hành vi của bị cáo Đ là hành vi vượt quá của người thực hành là việc người thực hành tự ý thực hiện hành vi phạm tội mà các bị cáo H2, Quốc A không biết và không mong muốn. Chính vì vậy, chỉ có bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cướp tài sản”. Khi anh T chống cự giữ lại chiếc xe mô tô, anh T lúc đó biết việc mình có khả năng bị lừa đảo. Chính vì vậy, hành vi giữ lại xe của anh nhằm mục đích không để mất số tiền 7.800.000 đồng bởi lẽ: Nếu để lấy mất xe thì anh không có căn cứ để yêu cầu người đã bán xe cho mình (các bị cáo) trả lại số tiền trên.

[2.3] Đối với quan điểm: Viện Kiểm sát cho rằng, chiếc xe mô tô, chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Ngọc Tr nên việc giao dịch giữa H2, Đ và Quốc A với anh T chỉ là giả tạo, bất hợp pháp, nhằm chiếm đoạt số tiền 7.800.000 đồng của anh T, vì vậy giao dịch trên là vô hiệu. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù giao dịch dân sự trên là vô hiệu thì hậu quả của hợp đồng dân sự vô hiệu các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trong trường hợp này, các bị cáo H2, Quốc A đã nhận được tiền nếu anh Đ không giữ lại chiếc xe máy thì anh Đ sẽ không nhận lại được số tiền 7.800.000 đồng. Do đó, căn cứ Viện Kiểm sát nêu ra không phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ các phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Mạnh Đ về tội “Cướp tài sản” theo Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền và lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc

xét xử bị cáo Bùi Mạnh Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh đối với bị cáo Bùi Mạnh Đ.

[4] *Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Mạnh Đ:*

[4.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất của vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú để khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn xin giảm nhẹ đối với bị cáo. Mặt khác, bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm” để xử phạt bị cáo mức án 04 năm tù, trên khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, không nặng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện bố bị cáo có thời gian tham gia quân đội; bị hại là anh Nguyễn Văn T tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên và kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo Bùi Mạnh Đ.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng về tội danh đối với bị cáo Bùi Mạnh Đ. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Mạnh Đ. Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Bùi Mạnh Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Bùi Mạnh Đ** 03 (Ba) năm tù về tội "Cướp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 10/12/2019.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Mạnh Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án số 61/2020/HS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TPHP;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- PV 06 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT quận Ngô Quyền;
- Cơ quan THAHS quận Ngô Quyền;
- TAND quận Ngô Quyền;
- Sở Tư pháp TP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Tuyền**





